

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế

Năm học 2022– 2023

(Biểu mẫu 10 – Thông tư 36/2017/TT – BGDDT ngày 28/12/2017)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Kết quả hạnh kiểm (K11, K12)	1024		476	548
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	913 (89,16%)		420 (88,24%)	493 (89,96%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	82 (8,0%)		44 (9,24%)	38 (6,93%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	18 (1,76%0		4 (0,84%)	14 (2,55%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	11 (1,08%)		8 (1,68%)	3 (0,55%)
II	Kết quả rèn luyện (K10)	705	705		
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	630 (89,36%)	630 (89,36%)		
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	58 (8,23%)	58 (8,23%)		
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	6 (0,85%)	6 (0,85%)		
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	11 (1,56%)	11 (1,56%)		
III	Kết quả học lực (K11, K12)	1024		476	548
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	332 (32,42%)		156 (32,77%)	176 (32,12%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	560 (54,69%)		255 (53,57%0	305 (55,66%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	130 (12,69%)		63 (13,24%)	67 (12,23%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	2 (0,2%)		2 (0,42%)	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IV	Kết quả học tập (K10)	705	705		
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	219 (31,06%)	219 (31,06%)		

2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	396 (56,17%)	396 (56,17%)		
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	81 (11,49%)	81 (11,49%)		
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	9 (1,28%)	9 (1,28%)		
V	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)				
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	25 (3,55%)	25 (3,55%)		
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	519 (30,02%)	189 (26,81%)	154 (32,35%)	176 (32,12%)
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	552 (31,95%)		251 (52,73%)	301 (54,93%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	11 (0,64%)	9 (1,28%)	2 (0,42%)	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	7 (0,4%)	6 (0,85%)	1 (0,21%)	
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	15 (0,87%)	5	10	0
5	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	41 (2,37%)	10	24	7
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	4 (0,23%)	1	1	2
VI	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp TP Hồ Chí Minh	05			
2	Cấp TP Thủ Đức				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
VII	Số học sinh dự thi tốt nghiệp	544 (99,27%)			546
VIII	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	542 (99,63%)			544
IX	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	425 (78,41%)			425

Tp Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh